

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3956/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 65/2023/NĐ-CP ngày 25/8/2023 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung; số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo, khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; số 332/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân; số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 3212/QĐ-BKHCN ngày 17/10/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 3578/QĐ-BKHCN ngày 07/11/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 248/QĐ-BKHCN ngày 12/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 2075/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 2607/QĐ-BKHCN ngày 29/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, được thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3362/TTr-SKHCN ngày 28/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, bao gồm:

1. Lĩnh vực tần số vô tuyến điện: 49 thủ tục hành chính, theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện; tại 4 điều (từ 45 đến 48) Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; tại tiểu mục B, mục I, và tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, được thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Danh mục thủ tục hành chính tại phụ lục kèm theo).

2. Lĩnh vực viễn thông và Internet: 39 thủ tục hành chính, theo quy định tại phần B phụ lục I và phần B phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; tại mục 1 và tại tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Danh mục thủ tục hành chính tại phụ lục kèm theo).

3. Lĩnh vực bưu chính: 7 thủ tục hành chính, theo quy định tại phần D Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và tại mục I phần I kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Danh mục thủ tục hành chính tại phụ lục kèm theo).

4. Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân: 19 thủ tục hành chính, theo quy định tại Điều 49 và Điều 58 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân; tại phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; tại số thứ tự 1, tiểu mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 248/QĐ-BKHCN ngày 12/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ thuộc phạm vi

chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và tại tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Danh mục thủ tục hành chính tại phụ lục kèm theo).

5. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ: 5 thủ tục hành chính, theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung; tại các điều: 3, 48, 64 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo, khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; tại số thứ tự 1, tiểu mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3212/QĐ- BKHCN ngày 17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và tại các số thứ tự từ số 10 đến số 13, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3578/QĐ-BKHCN ngày 07/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Danh mục thủ tục hành chính tại phụ lục kèm theo).

6. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ: 15 thủ tục hành chính, theo quy định tại các Điều: 9, 19, 26, 27, 29, 30, 32, 33, 34 Nghị định 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ và tại tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28/02/2027, trừ trường hợp pháp luật liên quan có thay đổi.

Điều 3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức thực hiện đúng nội dung được ủy quyền tại Điều 1 đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền. Không được ủy quyền cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định này.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với các vấn đề vượt thẩm quyền hoặc phát sinh trong quá trình triển khai hoặc văn bản quy phạm pháp luật có thủ tục hành chính có liên quan được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Đối với các thủ tục hành chính quy định tại điều 1 Quyết định này đã tiếp nhận hoặc đang giải quyết (nếu có) thì thực hiện về thẩm quyền theo quyết định này.

3. Bãi bỏ Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- PVP UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thái Văn Thành

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số: 3956 /QĐ-UBND ngày 04 / 9 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	TÊN TTHC	MÃ TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ ỦY QUYỀN
I	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện (49 thủ tục hành chính)		
1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2.002777	Tại điều 45, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 1, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
2	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2.002778	Tại điều 45, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 2, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
3	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2.002775	Tại điều 45, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 3, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2.002779	Tại điều 45, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 4, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

5	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2.002781	Tại điều 46, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 5, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
6	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2.002782	Tại điều 46, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 6, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
7	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2.002776	Tại điều 46, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 7, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2.002787	Tại điều 46, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 8, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
9	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2.002783	Tại điều 47, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 9, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
10	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2.002784	Tại điều 47, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 10, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
11	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với	2.002785	Tại điều 47, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 11, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số

	đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)		2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2.002786	Tại điều 47, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 12, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
13	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002788	Tại điều 48, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 13, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
14	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002789	Tại điều 48, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 14, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
15	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002780	Tại điều 48, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 15, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
16	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002790	Điều 48, Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và số thứ tự 16, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
17	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	1.010277	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 17, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

18	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	1.010278	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 18, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
19	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	1.010279	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 19, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
20	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.004500	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 20, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
21	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.010268	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 21, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
22	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng	1.010276	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 21, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

	dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
23	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.010284	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 23, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
24	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.010288	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 24, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
25	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.010272	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 25, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
26	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài	1.010280	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 26, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

	hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
27	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.010304	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 27, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
28	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.010308	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 28, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
29	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.010316	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 29, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
30	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ	1.010317	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 30, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

	tỉnh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
31	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	1.010297	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 31, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
32	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	1.010265	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 32, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
33	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	1.010266	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 33, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
34	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	1.010267	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 34, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
35	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế	1.010281	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 35, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

36	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế	1.010282	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 36, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
37	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế	1.010283	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 37, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
38	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	1.010285	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 38, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
39	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	1.010286	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 39, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
40	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	1.010287	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 40, tiểu mục B, mục I, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

41	<i>Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không</i>	1.004426	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 1, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
42	<i>Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không</i>	1.004186	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 2, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
43	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	1.010259	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 3, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
44	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	1.011892	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 4, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

45	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	1.010293	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 5, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
46	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	1.010294	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 6, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
47	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài,	1.010295	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 7, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn		
48	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	1.010296	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 8, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
49	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1	1.010250	Tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 và số thứ tự 9, tiểu mục B, mục II, phần I kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-BKHCN ngày 13/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
II	Lĩnh vực Viễn thông và Internet (39 thủ tục hành chính)		
1	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) tại nơi doanh nghiệp được cấp phép	1.115134	Tại khoản 1 mục XII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 1 mục 1 phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân	1.115135	Tại khoản 1 mục XVII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 2 mục 1 phần I kèm theo Quyết

	bổ theo phương thức đấu giá tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần	1.013385	Tại khoản 1 mục V phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 19, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

	hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		
4	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.004962	Tại khoản 1 mục VI phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 20, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố	1.013370	Tại khoản 1 mục VII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 21, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

	định mặt đất) tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		
6	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.013379	Tại khoản 1 mục XI phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 22, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
7	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.013376	Tại khoản 1 mục VIII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 23, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng	1.013375	Tại khoản 1 mục IX phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 24, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

	viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		
9	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.013377	Tại khoản 1 mục X phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 25, tiêu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
10	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia tại nơi tổ chức đặt trụ sở chính	1.013382	Tại khoản 1 mục XIII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 26, tiêu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
11	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia tại nơi tổ chức đặt trụ sở chính	1.013384	Tại khoản 1 mục XIII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 27, tiêu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia tại nơi tổ chức đặt trụ sở chính	1.013383	Tại khoản 1 mục XIII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 28, tiêu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

13	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.005444	Tại khoản 1 mục XV phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 29, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
14	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.005445	Tại khoản 1 mục XV phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 30, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
15	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.003370	Tại khoản 1 mục XV phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 31, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
16	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.003300	Tại khoản 1 mục XIV phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 32, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
17	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.003249	Tại khoản 1 mục XIV phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 33, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
18	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.013381	Tại khoản 1 mục XIV phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 34, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
19	Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch	1.014012	Tại khoản 1 mục XVI phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 35, tiểu mục B, mục 2, phần I

	vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá tại nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính		kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
20	Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá tại nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.014015	Tại khoản 1 mục XVIII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 36, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
21	Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.002655	Tại khoản 1 mục XIX phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 37, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
22	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	1.013912	Tại mục I phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 1, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
23	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	1.013897	Tại mục II phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 2, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

24	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.013900	Tại mục III phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 3, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
25	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	1.013903	Tại mục IV phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 4, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
26	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn	1.013904	Tại mục V phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 5, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

	thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		
27	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.013907	Tại mục VI phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 6, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
28	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.013905	Tại mục VII phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 7, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
29	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố	1.013909	Tại mục VIII phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 8, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm

	định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
30	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.013819	Tại mục IX phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 9, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
31	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1.013899	Tại mục X phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 10, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
32	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ	1.013901	Tại mục XI phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 11, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm

	viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
33	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	1.013902	Tại mục XII phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 12, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
34	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1.013906	Tại mục XIII phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 13, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
35	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1.013976	Tại mục XIV phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 14, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

36	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	1.013908	Tại mục XV phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 15, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
37	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1.013877	Tại mục XVI phần B phụ lục II Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 16, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
38	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá tại nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.013911	Tại khoản 1 mục XVII phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 17, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
39	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá tại nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.013910	Tại khoản 1 mục XVI phần B phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 18, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
III	Lĩnh vực Bưu chính (7 thủ tục hành chính)		

1	Cấp giấy phép bur chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) tại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính	1.004376	Tại khoản 1 mục I phần D phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 1 mục I phần I kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bur chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) tại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính	1.004366	Tại khoản 1 mục II phần D phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 2 mục I phần I kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
3	Cấp lại giấy phép bur chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) tại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính	1.004354	Tại khoản 1 mục III phần D phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 3 mục I phần I kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
4	Cấp lại giấy phép bur chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) tại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính	1.004430	Tại khoản 1 mục IV phần D phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 4 mục I phần I kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bur chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) tại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính	1.004429	Tại khoản 1 mục V phần D phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 5 mục I phần I kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
6	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) nơi doanh nghiệp có trụ sở chính	1.004428	Tại khoản 1 mục VI phần D phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 6 mục I phần I kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

7	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) tại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính	1.010901	Tại khoản 1 mục VII phần D phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và số thứ tự 7 mục I phần I kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-BKHHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
IV	Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân (19 thủ tục hành chính)		
1	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	1.014674	Tại khoản 1, điều 49 và khoản 1, điều 58 Nghị định 332/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ và số thứ tự 1, tiểu mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 248/QĐ-BKHHCN ngày 12/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
2	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	1.115137	Tại khoản 1 mục IV phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 18, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
3	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	1.115138	Tại khoản 1 mục V phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 19, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

4	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác	1.115139	Tại khoản 1 mục VI phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 20, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
5	Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	1.115140	Tại khoản 1 mục XVII phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 21, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
6	Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	1.115141	Tại khoản 1 mục XVIII phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 22, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
7	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác	1.014642	Tại khoản 1 mục I phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 6, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

8	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ	1.014645	Tại khoản 1 mục II phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 7, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
9	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	1.014648	Tại khoản 1 mục III phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 8, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
10	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị Xquang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	1.014656	Tại khoản 1 mục VII phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 9, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
11	Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp	1.014657	Tại khoản 1 mục VIII phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 5, tiểu mục B, mục 2, phần I kèm theo Quyết định số 2607/QĐ-BKHCN ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
12	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	1.014660	Tại khoản 1 mục IX phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 10, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

13	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở	1.014661	Tại khoản 1 mục X phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 11, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
14	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	1.014662	Tại khoản 1 mục XI phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 12, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
15	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ	1.014665	Tại khoản 1 mục XII phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 13, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
16	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ	1.014666	Tại khoản 1 mục XV phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 14, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
17	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	1.014667	Tại khoản 1 mục XVI phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 17, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
18	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ	1.014671	Tại khoản 1 mục XIV phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 15, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

19	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ	1.014673	Tại khoản 1 mục XIII phần C phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và tại số thứ tự 16, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3172/QĐ-BKHCN ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
V	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (5 thủ tục hành chính)		
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	1.014445	Tại khoản 1 điều 48 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ và tại số thứ tự 10, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3578/QĐ-BKHCN ngày 07/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
2	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	1.014446	Tại khoản 1 điều 48 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ và tại số thứ tự 11, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3578/QĐ-BKHCN ngày 07/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
3	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước	1.014444	Tại điểm a, khoản 4, điều 64 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ và tại số thứ tự 12, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3578/QĐ-BKHCN ngày 07/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
4	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	1.014451	Tại khoản 9, điều 3 và điểm b, khoản 2, điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ và tại số thứ tự 13, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3578/QĐ-BKHCN ngày 07/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
5	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ	1.014388	Tại điểm d, khoản 5, điều 13 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ và tại số thứ tự 1, tiểu mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 3212/QĐ- BKHCN ngày

	chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài		17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
VI	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (16 thủ tục hành chính)		
1	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013916	Tại điểm a, khoản 1, điều 33 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 4, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
2	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013919	Tại điểm a, khoản 2, điều 33 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 5, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
3	Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013922	Tại điểm a, khoản 3, điều 33 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 6, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
4	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013924	Tại điểm b, khoản 1, điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 7, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
5	Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp	1.013925	Tại điểm b, khoản 2, điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 5, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
6	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013928	Tại điểm b, khoản 3, điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 9, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm

			theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
7	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013942	Tại điểm b, khoản 4, điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 10, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
8	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	1.013954	Tại điểm b, khoản 5, điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 11, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
9	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013955	Tại khoản 1, điều 32 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 12, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
10	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	1.013966	Tại khoản 1, điều 19 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 16, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
11	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	1.013968	Tại khoản 1, điều 27 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 17, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.

12	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	1.013970	Tại khoản 2, điều 30 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 18, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
13	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	1.013972	Tại khoản 1, điều 29 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 19, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
14	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	1.013973	Tại khoản 1, điều 9 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và số thứ tự 20, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.
15	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	1.013974	Tại khoản 1, điều 26 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và số thứ tự 21, tiểu mục B, mục 1, phần I kèm theo Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện: UBND tỉnh.